

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH
Năm 2024

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Liên Chiểu
Chương:

Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại: Tổng hợp		
					Tổng loại: Tổng hợp		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC						
01	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	218.057.046	218.057.046		218.057.046	218.057.046	
02	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	218.057.046	218.057.046		218.057.046	218.057.046	
03	- Kinh phí đã nhận						
04	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	218.057.046	218.057.046		218.057.046	218.057.046	
05	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)						
06	- Kinh phí đã nhận						

Chi tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại: Tổng hợp		
					Tổng loại: Tổng hợp		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
07	- Dự toán còn dư ở Kho bạc						
08	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	12.989.316.200	12.989.316.200		12.989.316.200	12.989.316.200	
09	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	11.721.134.000	11.721.134.000		11.721.134.000	11.721.134.000	
10	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	1.268.182.200	1.268.182.200		1.268.182.200	1.268.182.200	
11	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	13.207.373.246	13.207.373.246		13.207.373.246	13.207.373.246	
12	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	11.939.191.046	11.939.191.046		11.939.191.046	11.939.191.046	
13	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	1.268.182.200	1.268.182.200		1.268.182.200	1.268.182.200	
14	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	12.957.920.712	12.957.920.712		12.957.920.712	12.957.920.712	
15	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	11.739.191.046	11.739.191.046		11.739.191.046	11.739.191.046	
16	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	1.218.729.666	1.218.729.666		1.218.729.666	1.218.729.666	
17	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	12.957.920.712	12.957.920.712		12.957.920.712	12.957.920.712	
18	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	11.739.191.046	11.739.191.046		11.739.191.046	11.739.191.046	
19	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	1.218.729.666	1.218.729.666		1.218.729.666	1.218.729.666	
20	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)						
21	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21=22+23+24)						

Chi tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại: Tổng hợp		
					Tổng loại: Tổng hợp		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
22	- Đã nộp NSNN						
23	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)						
24	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)						
25	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)						
26	- Đã nộp NSNN						
27	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)						
28	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)						
29	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	249.452.534	249.452.534		249.452.534	249.452.534	
30	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	200.000.000	200.000.000		200.000.000	200.000.000	
31	- Kinh phí đã nhận						
32	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	200.000.000	200.000.000		200.000.000	200.000.000	
33	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	49.452.534	49.452.534		49.452.534	49.452.534	
34	- Kinh phí đã nhận						
35	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	49.452.534	49.452.534		49.452.534	49.452.534	
	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ						

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại: Tổng hợp		
					Tổng loại: Tổng hợp		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
36	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang						
37	Dự toán được giao trong năm						
38	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)						
39	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng						
40	- Số đã ghi thu, ghi chi						
41	Kinh phí được sử dụng trong năm (41=36+38)						
42	Kinh phí đề nghị quyết toán						
43	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)						
	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI						
44	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)						
45	- Kinh phí đã ghi tạm ứng						
46	- Số dư dự toán						
47	Dự toán được giao trong năm						
48	Tổng số được sử dụng trong năm (48=44+47)						
49	Tổng kinh phí đã vay trong năm (49=50+51)						

Chi tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại: Tổng hợp		
					Tổng loại: Tổng hợp		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
50	- Số đã ghi vay, ghi tạm ứng NSNN						
51	- Số đã ghi vay, ghi chi NSNN						
52	Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán						
53	Kinh phí giảm trong năm (53=54+55+56)						
54	- Đã nộp NSNN						
55	- Còn phải nộp NSNN (55= 45+49-52-54-58)						
56	- Dự toán bị hủy (56= 46+47-49-59)						
57	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (57= 58+59)						
58	- Kinh phí đã ghi tạm ứng						
59	- Số dự dự toán						
60	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN						
	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI						
61	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (61=62+63)						
62	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
63	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại: Tổng hợp		
					Tổng loại: Tổng hợp		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
64	Dự toán được giao trong năm (64=65+66)						
65	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
66	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
67	Số thu được trong năm (67=68+69)						
68	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
69	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
70	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (70=71+72)						
71	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)						
72	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (72=63+69)						
73	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (73=74+75)						
74	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
75	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
76	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (76=77+78)						
77	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)						
78	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)						

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại: Tổng hợp		
					Tổng loại: Tổng hợp		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỀ LẠI						
79	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (79=80+81)						
80	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
81	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
82	Dự toán được giao trong năm (82=83+84)						
83	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
84	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
85	Số thu được trong năm (85=86+87)						
86	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
87	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
88	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (88=89+90)						
89	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (89=80+86)						
90	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (90=81+87)						
91	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (91=92+93)						
92	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số			Loại: Tổng hợp		
					Tổng loại: Tổng hợp		
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
93	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
94	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (94=95+96)						
95	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (95=89-92)						
96	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (96=90-93)						

Chi tiêu	Nội dung	Loại: Tổng hợp					
		Khoản: Tổng hợp					
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch			
A	B	7	8	9=8-7			
	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC						
01	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	218.057.046	218.057.046				
02	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	218.057.046	218.057.046				
03	- Kinh phí đã nhận						
04	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	218.057.046	218.057.046				
05	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)						
06	- Kinh phí đã nhận						
07	- Dự toán còn dư ở Kho bạc						
08	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	12.989.316.200	12.989.316.200				
09	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	11.721.134.000	11.721.134.000				
10	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	1.268.182.200	1.268.182.200				
11	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	13.207.373.246	13.207.373.246				
12	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	11.939.191.046	11.939.191.046				
13	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	1.268.182.200	1.268.182.200				
14	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	12.957.920.712	12.957.920.712				

Chi tiêu	Nội dung	Loại: Tổng hợp					
		Khoản: Tổng hợp					
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch			
A	B	7	8	9=8-7			
15	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	11.739.191.046	11.739.191.046				
16	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	1.218.729.666	1.218.729.666				
17	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	12.957.920.712	12.957.920.712				
18	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	11.739.191.046	11.739.191.046				
19	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	1.218.729.666	1.218.729.666				
20	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)						
21	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21=22+23+24)						
22	- Đã nộp NSNN						
23	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)						
24	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)						
25	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)						
26	- Đã nộp NSNN						
27	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)						
28	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)						
29	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	249.452.534	249.452.534				

Chi tiêu	Nội dung	Loại: Tổng hợp					
		Khoản: Tổng hợp					
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch			
A	B	7	8	9=8-7			
30	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	200.000.000	200.000.000				
31	- Kinh phí đã nhận						
32	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	200.000.000	200.000.000				
33	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	49.452.534	49.452.534				
34	- Kinh phí đã nhận						
35	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	49.452.534	49.452.534				
	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ						
36	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang						
37	Dự toán được giao trong năm						
38	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)						
39	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng						
40	- Số đã ghi thu, ghi chi						
41	Kinh phí được sử dụng trong năm (41=36+38)						
42	Kinh phí đề nghị quyết toán						
43	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)						

Chi tiêu	Nội dung	Loại: Tổng hợp					
		Khoản: Tổng hợp					
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch			
A	B	7	8	9=8-7			
	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI						
44	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)						
45	- Kinh phí đã ghi tạm ứng						
46	- Số dư dự toán						
47	Dự toán được giao trong năm						
48	Tổng số được sử dụng trong năm (48=44+47)						
49	Tổng kinh phí đã vay trong năm (49=50+51)						
50	- Số đã ghi vay, ghi tạm ứng NSNN						
51	- Số đã ghi vay, ghi chi NSNN						
52	Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán						
53	Kinh phí giảm trong năm (53=54+55+56)						
54	- Đã nộp NSNN						
55	- Còn phải nộp NSNN (55= 45+49-52-54-58)						
56	- Dự toán bị hủy (56= 46+47-49-59)						
57	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (57= 58+59)						
58	- Kinh phí đã ghi tạm ứng						

Chi tiêu	Nội dung	Loại: Tổng hợp					
		Khoản: Tổng hợp					
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch			
A	B	7	8	9=8-7			
59	- Số dư dự toán						
60	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN						
	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI						
61	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (61=62+63)						
62	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
63	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
64	Dự toán được giao trong năm (64=65+66)						
65	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
66	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
67	Số thu được trong năm (67=68+69)						
68	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
69	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
70	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (70=71+72)						
71	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)						
72	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (72=63+69)						

Chi tiêu	Nội dung	Loại: Tổng hợp					
		Khoản: Tổng hợp					
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch			
A	B	7	8	9=8-7			
73	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (73=74+75)						
74	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
75	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
76	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (76=77+78)						
77	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)						
78	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)						
	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI						
79	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (79=80+81)						
80	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
81	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
82	Dự toán được giao trong năm (82=83+84)						
83	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
84	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
85	Số thu được trong năm (85=86+87)						
86	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						

Chi tiêu	Nội dung	Loại: Tổng hợp					
		Khoản: Tổng hợp					
		Số báo cáo	Số xét duyệt	Chênh lệch			
A	B	7	8	9=8-7			
87	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
88	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (88=89+90)						
89	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (89=80+86)						
90	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (90=81+87)						
91	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (91=92+93)						
92	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ						
93	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ						
94	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (94=95+96)						
95	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (95=89-92)						
96	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (96=90-93)						